

Bản án số: 59/2018/HS-PT

Ngày 25- 6- 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lại Anh Vân**.

Các thẩm phán: Ông **Nguyễn Huy Hiểu**.

Bà **Lê Thị Thanh Thủy**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Mai Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Yến** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 88/2018/TLPT-HS ngày 11 tháng 5 năm 2018 đối với các bị cáo Trần Văn Đ, Trần Thế H, Nguyễn Văn T và Hà Minh N, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2018/HSST ngày 29/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Hải Dương.

Các bị cáo kháng cáo:

1. Trần Văn Đ, sinh năm 1959 tại xã A, huyện S, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: Thôn Q, xã A, huyện S, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn P và bà Nguyễn Thị G; vợ là Vũ Thị T, sinh năm 1964; có 03 con, lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1993; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/12/2017 đến ngày 13/12/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

2. Trần Thế H, sinh năm 1989 tại xã A, huyện S, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: Thôn Q, xã A, huyện S, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Thế D và bà Nguyễn Thị H; vợ là Vũ Thị H, sinh năm 1993; có 02 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/12/2017 đến ngày 22/12/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

3. Nguyễn Văn T, sinh năm 1986 tại xã A, huyện S, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: Thôn Q, xã A, huyện S, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị B; vợ là Mạc Thị H, sinh năm 1987; có 02 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/12/2017 đến ngày 13/12/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

4. Hà Minh N, sinh năm 1984 tại xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Xóm 5, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn N và bà Lại Thị T; có vợ là Nguyễn Thúy Q, sinh năm 1989; có 02 con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/12/2017 đến ngày 13/12/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

Trong vụ án còn có 01 bị cáo khác không kháng cáo và không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 20 phút, ngày 12/12/2017, Trần Thế H, Hà Minh N, Nguyễn Văn T đến nhà Trần Văn Đ ở thôn Q, xã A, huyện S, tỉnh Hải Dương chơi. Trong lúc ngồi uống nước Đ, H, N, T rủ nhau đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh Liêng, được mọi người đồng ý. Đ lấy bộ tứ lơ khơ gồm 52 quân có sẵn ở nhà, cùng với H, N và T đi vào trong phòng ngủ rồi bắt đầu tham gia đánh bạc. Mức sát phạt thấp nhất đặt "gà" là 10.000 đồng, cao nhất "tổ" không quá 50.000 đồng.

Hình thức Liêng như sau: Trước khi chia bài, mỗi người phải đặt "gà" là 10.000 đồng, rồi người chia bài chia cho mỗi người 03 quân bài. Mọi người cầm bài lên kiểm tra và thực hiện việc tố, người chia bài được quyền tố đầu tiên (tùy vào "cước" hoặc điểm của bài mình để tố); những người chơi còn lại nếu không theo sẽ úp bài xuống và mất 10.000 đồng đã đặt, nếu theo tố (chơi tiếp) thì phải bỏ ra số tiền bằng số tiền của người tố vào gà. Sau khi tố xong thì những người theo tố lật bài ra để so sánh "cước" hoặc điểm bài để tính thắng, thua như sau: Cước lớn nhất là "sáp" bằng 3 quân bài giống nhau, "cước" lớn thứ hai là "liêng" bằng 3 quân bài liên tiếp (không cần đồng chất), "cước" lớn thứ ba là "ảnh" bằng 3 quân

bài có hình người (không cần giống nhau). Nếu bài không có "cước" nêu trên thì tính điểm (điểm thấp hơn "cước"): Tổng điểm tính đến 9 (quy định cộng 3 quân bài lại trên 10 điểm thì chỉ lấy số hàng đơn vị để tính điểm, nếu tổng là 10 thì bài đó là 0 điểm; những cây bài là J, Q, K tính là 0 điểm). Bài của ai có "cước" lớn nhất hoặc nếu không có cước thì so đến điểm (nếu cùng cước hoặc bằng điểm thì so đến chất của quân bài lớn nhất theo thứ tự rô, cơ, nhép, bích) thì thắng và được thu hết tiền (cả tiền tố và tiền gà). Tiếp theo ván mới thì người thắng ván trước được chia bài và cũng là người được tố tiền đầu tiên, ván bài diễn ra tương tự.

Bốn người tham gia đánh bạc được khoảng 10 phút có Bùi Văn V đến vào cùng tham gia đánh bạc. Đến 13 giờ 30 phút cùng ngày, khi Đ, H, N, T và V đang đánh bạc thì bị tổ công tác thuộc Công an huyện S phát hiện, bắt quả tang, thu giữ tại chiếu bạc số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 6.160.000 đồng, 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài và 01 ví da màu đen của H (*trong ví có 01 chứng minh thư nhân dân và 03 giấy phép lái xe mang tên Trần Thế H; 01 chứng minh thư và giấy phép lái xe mang tên Trần Thế H1, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS 34c-124.73 mang tên Nguyễn Văn N*). Khi bị phát hiện bắt quả tang, V, H và N đã bỏ chạy theo lối cầu thang lên trần nhà Đ, N bị bắt giữ, H bỏ trốn (*ngày 20/12/2017, H đến Công an huyện S đầu thú*). Các đối tượng khai số tiền sử dụng vào việc đánh như sau: Trần Văn Đ 500.000 đồng; Nguyễn Văn T 900.000 đồng; Hà Minh N 660.000 đồng (260.000 đồng của N và 400.000 đồng vay của H); Bùi Văn V 650.000 đồng; Trần Thế H sử dụng 1.200.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 18/2018/HSST ngày 29-3-2018 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Hải Dương đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Trần Văn Đ, Trần Thế H, Nguyễn Văn T, Hà Minh N phạm tội “Đánh bạc”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS 1999 (nay là điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015) Điều 20, Điều 53, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội và khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Đ.

Xử phạt bị cáo Trần Văn Đ 08 (*Tám*) tháng tù, được trừ 01 (*Một*) ngày tạm giữ, bị cáo còn phải chấp hành 07 (*Bảy*) tháng 29 (*Hai mươi chín*) ngày tù, thời hạn tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm q khoản 1, 2 Điều 46 BLHS 1999 (nay là điểm t khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015), Điều 20, Điều 53, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội và khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo H.

Xử phạt bị cáo Trần Thế H 08 (*Tám*) tháng tù, được trừ 02 (*Hai*) ngày tạm

giữ, bị cáo còn phải chấp hành 07 (*Bảy*) tháng 28 (*Hai mươi tám*) ngày tù, thời hạn tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (Nay là điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015) Điều 20, Điều 53, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội và khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo T.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 07 (*Bảy*) tháng tù, được trừ 01 (*Một*) ngày tạm giữ, bị cáo còn phải chấp hành 06 (*Sáu*) tháng 29 (*Hai mươi chín*) ngày tù, thời hạn tính từ ngày bắt thi hành án.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (Nay là điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015), Điều 20, Điều 53, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội và khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo N.

Xử phạt bị cáo Hà Minh N 07 (*Bảy*) tháng tù, được trừ 01 (*Một*) ngày tạm giữ, bị cáo còn phải chấp hành 06 (*Sáu*) tháng 29 (*Hai mươi chín*) ngày tù, thời hạn tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên bố về tội danh, hình phạt đối với Bùi Văn V; tuyên về hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bị cáo.

Ngày 06 tháng 4 năm 2018 các bị cáo Đ, H, T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 10 tháng 4 năm 2018 bị cáo N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo giữ nguyên kháng cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt, đồng thời bổ sung kháng cáo xin được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa sau khi phân tích các tình tiết trong vụ án xác định cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội đánh bạc là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về nội dung kháng cáo: Các bị cáo đánh bạc với tổng số tiền là 6.160.000 đồng trong đó bị cáo Đ sử dụng 500.000 đồng, bị cáo H sử dụng 1.200.000 đồng, bị cáo T sử dụng 900.000 đồng, bị cáo N sử dụng 600.000 đồng để đánh bạc. Tại cấp phúc thẩm các bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới, đề nghị áp dụng thêm tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đối với Đ và H. Các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên việc cho các bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ tác dụng

giáo dục và phòng ngừa. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận 1 phần kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 18/2018/HSST ngày 29-3-2018 của Tòa án nhân dân huyện S theo hướng: Tuyên bố các bị cáo Đ, H, T, N phạm tội Đánh bạc, giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách nhất định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của kháng cáo: Kháng cáo của các bị cáo trong thời gian luật định nên là kháng cáo hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo bổ sung kháng cáo, xin được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương nên cần được xem xét, giải quyết.

[2] Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nên có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 11 giờ 20 phút đến 13 giờ 30 phút ngày 12/12/2017, tại phòng ngủ nhà ở của Trần Văn Đ, sinh năm 1959 ở thôn Q, xã A, huyện S, tỉnh Hải Dương, các bị cáo Trần Văn Đ, Trần Thế H, Nguyễn Văn T, Hà Minh N cùng đối tượng Bùi Văn V có hành vi đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh liêng, tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 6.160.000 đồng. Với hành vi trên, các bị cáo Trần Văn Đ, Trần Thế H, Nguyễn Văn T, Hà Minh N bị cấp sơ thẩm xét xử về tội Đánh bạc, theo khoản 1 Điều 248 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là đúng quy định của pháp luật. Các bị cáo không kháng cáo và VKSND không kháng nghị về tội danh.

[3] *Xét kháng cáo của các bị cáo, HĐXX nhận thấy:*

[3.1] Cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng về vị trí, vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo cũng như về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội từ đó quyết định hình phạt đối với các bị cáo cơ bản là phù hợp. Tuy nhiên, HĐXX thấy đây là vụ án có đồng phạm nhưng không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ giữa những người thực hiện hành vi phạm tội, là đồng phạm giản đơn, đều là những người thực hành.

[3.2] Các bị cáo đều là những người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội, thời gian đánh bạc từ 11 giờ 20 phút đến 13 giờ 30 phút cùng ngày là không nhiều, tổng số tiền đánh bạc 6.160.000 đồng là không lớn. Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Bị cáo Đ có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; được tặng thưởng Huy chương chiến sỹ vẻ vang, được quy định tại điểm h, p khoản 1

Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, nay là điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015); Bị cáo H có 04 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đầu thú quy định tại điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm, quy định tại điểm q khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, nay là điểm t khoản 1 Điều 51 bộ luật hình sự năm 2015). Các bị cáo T và N đều có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999). Các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng và có khả năng tự cải tạo. Tại giai đoạn phúc thẩm, các bị cáo đã tự nguyện nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền phạt thể hiện ý thức chấp hành pháp luật và sự ăn năn hối cải, phát sinh thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do vậy, HĐXX thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian cũng đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung có hiệu quả. Nên cần sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2018/HSST ngày 29-3-2018 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Hải Dương về phần hình phạt theo hướng giữ nguyên mức hình phạt tù và cho các bị cáo được hưởng án treo.

[4] *Về án phí hình sự phúc thẩm*: Kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị HĐXX không xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Trần Văn Đ, Trần Thế H, Nguyễn Văn T, Hà Minh N; Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2018/HSST ngày 29-3-2018 của Tòa án nhân dân huyện S như sau:

Tuyên bố các bị cáo: Trần Văn Đ, Trần Thế H, Nguyễn Văn T và Hà Minh N phạm tội: Đánh bạc.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS 1999 (nay là điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015); Điều 20; Điều 53; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1

Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Trần Văn Đ.

Xử phạt bị cáo Trần Văn Đ 08 (*Tám*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 25/6/2018.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; điểm q khoản 1, 2 Điều 46 BLHS 1999 (nay là điểm t khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015); Điều 20; Điều 53; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Trần Thế H.

Xử phạt bị cáo Trần Thế H 08 (*Tám*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 25/6/2018.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46, điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (Nay là điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015); Điều 20; Điều 53; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 07 (*Bảy*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 25/6/2018.

Giao các bị cáo Trần Văn Đ, Trần Thế H, Nguyễn Văn T cho UBND xã A, huyện S, tỉnh Hải Dương giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (Nay là điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015); Điều 20; Điều 53; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Hà Minh N.

Xử phạt bị cáo và Hà Minh N 07 (*Bảy*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 25/6/2018.

Giao bị cáo Hà Minh N cho UBND xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Bình giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì thực hiện theo quy định tại điều 69 Luật thi hành án hình sự.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Trần Văn Đ, Trần Thế H, Nguyễn Văn T và Hà Văn N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án phúc thẩm, ngày 25/6/2018./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở TP tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện huyện S;
- Công an huyện S;
- VKSND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- Các bị cáo;
- Lưu tòa; Lưu HSVA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lại Anh Vân